TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/DS-ST
Ngày: 20/6/2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Nguyệt Mai

2/ Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hồng Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: 442 đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật là ông Từ Tiến P– Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh H – Chức vụ: Giám đốc Phòng xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 1075/UQ-QLN.22)

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Lê Thanh H là bà Trần Thị Ý L – Nhân viên xử lý nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 246/UQ-QLN.24 ngày 27/02/2024).

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà A, 444A-446 đường T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 919 Lô B, Chung cư S, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 03/07/2023, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) có người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Ý L trình bày:

Ngân hàng A và ông Nguyễn Duy T thỏa thuận ký kết Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) ngày 16/01/2015, số tiền cho vay: 145.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn cho vay: 48 tháng, lãi suất trong hạn 10.00%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, phạt trễ kỳ: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, kể từ ngày ký kết đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 8.450.000 đồng (trong đó: vốn gốc là 6.041.334 đồng, lãi trong hạn là 2.416.666 đồng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 01/10/2015, Ngân hàng A chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 20/6/2024, ông T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 332.422.561 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 138.958.666 đồng, lãi trong hạn là 7.854.165 đồng, lãi quá hạn là 184.409.730 đồng và phạt trễ kỳ là 1.200.000 đồng. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T phải thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2024 là 332.422.561 đồng. Ngoài ra, ông T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – ông Nguyễn Duy T trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có bản tự khai và Tóm tắt sao kê đề ngày 20/6/2024 xác định số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (20/6/2024) mà ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A là 332.422.561 đồng (Bằng chữ: ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng). Trong đó bao gồm nợ gốc là 138.958.666 đồng, lãi trong hạn là 7.854.165 đồng, lãi quá hạn là 184.409.730 đồng và phạt trễ kỳ là 1.200.000 đồng (Do không trả lãi đúng hạn nên từ kỳ tháng 04/2015 (bắt đầu từ ngày 16/4/2015) đến kỳ tháng 9/2015, ông T phải chịu tiền phạt trễ kỳ 200.000 đồng/kỳ x 06 kỳ = 1.200.000 đồng). Ngoài ra, ông Nguyễn Duy T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận N phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, buộc bị đơn ông Nguyễn Duy T thanh toán tổng số tiền là 332.422.561 đồng (Bằng chữ: ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 138.958.666 đồng, lãi trong hạn là 7.854.165 đồng, lãi quá hạn là 184.409.730 đồng và phạt trễ kỳ là 1.200.000 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông Nguyễn Duy T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Án phí ông T chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Duy T trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng. Trên hợp đồng tín dụng ghi địa chỉ bị đơn tại số 919 lô B, Chung cư S, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh của Công an Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông T có đăng ký thường trú, tạm trú và thực tế cư trú tại số 919 lô B chung cư S, Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng A có đơn đề nghị được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án. Bị đơn là ông Nguyễn Duy T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) giữa ông Nguyễn Duy T và Ngân hàng A ký ngày 16/01/2015. Ngày 01/10/2015, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá

hạn. Tháng 07 năm 2023, Ngân hàng A mới khởi kiện ông T để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi quá hạn là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông T không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề thời hiệu theo khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét ông Nguyễn Duy T đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) ngày 16/01/2015 với Ngân hàng A để vay khoản tiền là 145.000.000 đồng.

[3.2] Theo Bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng A nộp cho Toà án ngày 20/6/2024, Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng A đã giải ngân cho ông T từ ngày 16/01/2015. Số tiền ông T đã thanh toán là 8.450.000 đồng. Khoản tiền trên được thanh toán cho các khoản nợ gốc và lãi trong hạn theo khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) của Ngân hàng.

Số tiền nợ gốc còn lại được tính theo cách: Số tiền cho vay - số tiền thanh toán thực tế (số tiền thanh toán thực tế = số tiền ông T thanh toán trừ đi lãi trong hạn).

Số tiền thanh toán thực tế của ông T được tính như sau:

8.450.000 – 2.416.666 đồng = 6.041.334 đồng.

Số thanh toán Lãi trong hạn

=> Số tiền nợ gốc: 145.000.000 đồng – 6.041.334 đồng = 138.958.666 đồng

Tiền cho vay Tiền thanh toán thực tế

[3.3] Căn cứ vào khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 của Ngân hàng A cung cấp, đối chiếu với thời điểm vay thể hiện mức lãi suất trong hạn là 10%/năm (tính theo số tiền vay ban đầu) áp dụng cho hợp đồng tín dụng số SGN.CN.491.160115 đối với ông T là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Căn cứ vào Điều 5, Điều 6 của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) của A có thể hiện nội dung: *«A có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản vay chưa thanh toán của bên được cấp tín dụng trong trường hợp bên được cấp tín dụng vi phạm Hợp đồng tín dụng, các thoả thuận và cam kết với A».* Theo đó, *«Sau 30 ngày kể từ ngày A có thông báo thu hồi nợ trước hạn mà bên được cấp tín dụng không thanh toán đủ nợ vay, toàn bộ dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quán hạn và chịu mức lãi suất 150% lãi suất vay trong hạn»*

[3.5] Căn cứ bản Tóm tắt sao kê ngày 20/6/2024 của Ngân hàng A cung cấp cho thấy ngày 01/10/2015 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu

sang nợ quá hạn với dư nợ tại thời điểm này là 138.958.666 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn (lãi suất trong hạn là 10%/năm theo khoản 2.1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 ngày 16/01/2015). Như vậy, lãi quá hạn của ông T được Ngân hàng A tính 150% x 10%/năm = 15%/năm, tính từ ngày chuyển nợ quá hạn là ngày 01/10/2015 đến nay, số tiền là 184.409.730 đồng.

[3.6] Căn cứ theo quy định tại khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) có nội dung *«Số tiền phạt của một kỳ trễ hạn: 200.000 đồng/kỳ trễ hạn».* Căn cứ Bảng tính lãi theo tài khoản ngày 20/6/2024 của Ngân hàng A cung cấp cho thấy do không trả lãi đúng hạn nên từ kỳ tháng 04/2015 (bắt đầu từ ngày 16/4/2015) đến kỳ tháng 09/2015, ông T phải chịu tiền phạt trễ kỳ 200.000 đồng/kỳ x 06 kỳ = 1.200.000 đồng.

[3.7] Ông T không có mặt tại Tòa án để cho lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản tiền gốc, tiền lãi đã thanh toán và các khoản phí mà A yêu cầu được xem là ông T đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A với số nợ gốc, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng A yêu cầu ông T phải trả.

[3.8] Từ các nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) của ông T với tổng số tiền (tạm tính đến ngày 20/6/2024) là tổng số tiền là 332.422.561 đồng (Bằng chữ: ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 138.958.666 đồng, lãi trong hạn là 7.854.165 đồng, lãi quá hạn là 184.409.730 đồng và phạt trễ kỳ là 1.200.000 đồng.

[3.9] Về thời hạn thanh toán: Từ tháng 10 năm 2015, ông T đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng A, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng A. Do vậy, cần buộc ông T thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng A sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng A được chấp nhận nên bị đơn là ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân Tối cao.

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

1.1 Buộc ông Nguyễn Duy T phải trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền là 332.422.561 đồng (Bằng chữ: ba trăm ba mươi hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó bao gồm nợ gốc là 138.958.666 đồng (Bằng chữ: một trăm ba mươi tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), lãi trong hạn là 7.854.165 đồng (Bằng chữ: bảy triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng), lãi quá hạn là 184.409.730 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm linh chín nghìn bảy trăm ba mươi đồng) và phạt trễ kỳ là 1.200.000 đồng (Bằng chữ: một triệu hai trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.491.160115 (Số tài khoản vay: 192144909) của Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Duy T ký kết ngày ngày 16/01/2015.

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Duy T chịu 16.621.128 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm hai mốt nghìn một trăm hai mươi tám đồng).

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 7.692.488 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/0011045 ngày 22/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Nguyễn Duy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKS nhân dân Quận N;
- Chi Cục THADS Quận N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Thanh Trang